

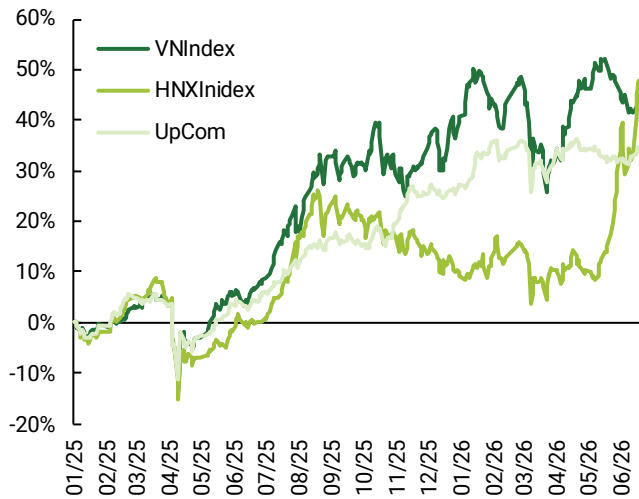
**VN-Index** **1857.91 (1.83%)**  
558 Tr. cổ phiếu 14674.6 Tỷ VND (-22.35%)

**HNX-Index** **321.06 (-1.16%)**  
38 Tr. cổ phiếu 753.1 Tỷ VND (-17.69%)

**UPCOM-Index** **127.76 (0.19%)**  
24 Tr. cổ phiếu 390.5 Tỷ VND (-7.86%)

**VN30F1M** **1984.80 (1.06%)**  
163,306 HD OI: 31,392 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1857.9, tăng +33.4 điểm (+1.83%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giảm.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế trong giao dịch. Đà tăng được thúc đẩy bởi nhóm Vingroup trong khi dòng tiền vẫn thận trọng nhất định.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VRE (+4.6%), VHM (+7.0%), VIC (+7.0%) | Ngân hàng: LPB (+2.5%), NAB (+3.7%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (+2.2%), PVP (+3.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: REE (+1.6%), POW (+4.3%). Diễn biến yếu trong phiên: Hóa chất: GVR (-1.7%), PHR (-1.2%) | Bán lẻ: MWG (-1.0%), PET (-0.9%) | Du lịch và Giải trí: HVN (-1.5%), SCS (-1.4%), VJC (-0.7%) | Công nghệ Thông tin: ELC (-3.0%), FPT (-1.3%).  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, BID, LPB, VRE - Chiều giảm | VCB, GVR, STB, MBB, FPT.  
Khối ngoại Bán ròng gần 170 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, VNM, TCB, trong khi mua ròng VIC, VHM, BID.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** bứt phá trên kháng cự 1850 điểm nhờ động lực từ nhóm Vingroup, song, thanh khoản và độ rộng thị trường vẫn suy yếu, hàm ý đà tăng chưa đủ động lực. Theo đó, chỉ số nhiều khả năng sẽ xuất hiện rung lắc quanh vùng 1850 điểm nhằm kiểm định lại cung cầu. Nếu dòng tiền cải thiện, có thể kỳ vọng nhịp hồi tiếp tục hướng đến vùng kháng cự cao hơn quanh 1880 - 1900 điểm. Điểm tích cực là các chỉ báo động lượng vẫn giữ được đà, ủng hộ cho quán tính đi lên. Chiều ngược lại, ngưỡng 1800 điểm hiện đóng vai trò hỗ trợ gần trong cấu trúc phục hồi ngắn hạn.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- Chiến lược:** Thanh khoản và độ rộng thị trường là các yếu tố cần theo dõi sát trong các phiên tới. Trường hợp thanh khoản không cải thiện trong khi độ rộng tiếp tục thu hẹp, động lực đi lên sẽ suy yếu và gia tăng xác suất đảo chiều. Mặt bằng cổ phiếu cũng bước vào nhịp điều chỉnh kỹ thuật nhằm kiểm định các vùng hỗ trợ gần trong xu hướng phục hồi hiện tại. Vị thế nghiêng về nắm giữ, chỉ nên gia tăng thêm nếu phản ứng kiểm định thành công. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Chứng khoán, Điện.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua NAB (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,857.9 ▲	1.8%	3.3%	-1.0%	14,674.6 ▼	-22.3%	-42.3%	-34.3%	558.3 ▼	-15.6%	-29.7%	-34.7%
HNX-Index	321.1 ▼	-1.2%	3.3%	20.0%	753.1 ▼	-17.7%	-48.7%	-44.0%	38.3 ▼	-28.6%	-51.7%	-54.6%
UPCOM-Index	127.8 ➡	0.2%	0.8%	1.7%	390.5 ▼	-7.9%	-20.8%	-47.5%	24.0 ▼	-32.7%	-19.6%	-59.1%
VN30	1,980.1 ➡	0.8%	0.9%	-1.5%	8,184.7 ▼	-32.9%	-52.5%	-26.2%	215.4 ▼	-23.8%	-45.5%	-22.9%
VNMID	2,149.3 ▼	0.0%	0.1%	-1.5%	5,397.6 ▲	3.1%	-17.6%	-44.3%	240.0 ▼	-6.1%	-20.1%	-51.7%
VNSML	1,347.6 ▼	-0.2%	-0.2%	-1.7%	562.5 ▼	-7.5%	-22.5%	-37.0%	46.6 ▲	6.2%	-27.4%	-20.6%
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	641.4 ➡	0.1%	0.07%	-0.3%	3,355.5 ▼	-45.0%	-36.4%	-37.3%	154.7 ▼	-28.8%	-32.2%	-35.0%
Bất động sản	999.7 ▲	5.9%	11.0%	3.1%	3,074.4 ▼	-28.3%	-18.2%	-15.8%	87.6 ▼	-9.6%	-10.8%	-6.9%
Dịch vụ tài chính	315.2 ➡	0.0%	1.8%	1.5%	1,856.3 ▼	-18.2%	-30.8%	-14.9%	89.0 ▼	-11.2%	-27.2%	-14.1%
Công nghiệp	264.5 ▼	-0.4%	-1.5%	-5.7%	894.8 ▼	-2.4%	-11.7%	-0.5%	26.6 ▼	-7.7%	-16.5%	0.2%
Tài nguyên cơ bản	519.0 ➡	0.0%	-1.2%	-0.8%	326.2 ▼	-43.9%	-38.2%	-39.9%	16.6 ▼	-40.3%	-35.5%	-38.5%
Xây dựng - Vật Liệu	171.0 ➡	0.7%	0.9%	-0.5%	615.3 ▼	-33.5%	-27.6%	-6.9%	29.0 ▼	-39.0%	-31.9%	-18.7%
Thực phẩm	481.4 ➡	0.2%	-7.1%	-24.8%	1,604.7 ▲	100.5%	58.4%	61.7%	33.2 ▲	67.1%	33.3%	38.9%
Bán Lẻ	1,437.7 ▼	-0.7%	-0.7%	-0.9%	408.3 ▲	26.0%	-22.1%	-27.4%	5.3 ▲	17.1%	-23.1%	-31.8%
Công nghệ	386.7 ▼	-1.3%	-3.6%	-4.3%	689.6 ▼	-34.5%	-23.4%	-14.7%	12.9 ▼	-15.6%	-5.5%	1.5%
Hóa chất	179.8 ▼	-0.6%	-0.9%	-2.9%	401.3 ▲	46.8%	7.9%	22.2%	12.6 ▲	31.6%	0.5%	18.4%
Tiện ích	766.4 ➡	0.9%	0.2%	-0.6%	408.2 ▲	34.6%	21.9%	36.6%	24.5 ▲	28.5%	35.3%	85.4%
Dầu khí	107.0 ▲	1.2%	1.0%	-8.5%	459.6 ▲	43.4%	16.83%	5.8%	15.2 ▲	35.9%	13.5%	8.5%
Dược phẩm	406.8 ➡	0.13%	-0.5%	-1.5%	55.7 ▲	198.6%	103.4%	-7.8%	1.8 ▲	95.3%	53.1%	-37.3%
Bảo hiểm	104.0 ▼	-1.0%	0.1%	-4.7%	20.5 ▼	-6.0%	-9.7%	-37.5%	0.4 ▲	3.0%	-11.7%	-48.8%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,857.9 ▲	1.83%	4.1%	14.9x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,574 ▬	0.10%	25.0%	16.5x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,117 ▼	-0.98%	-29.3%	14.3x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,603 ▼	-0.62%	2.4%	15.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,035 ▼	-1.64%	-0.3%	9.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,163 ▲	1.78%	4.9%	20.3x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	23,769 ▼	-0.65%	-7.3%	12.4x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	72,354 ▲	1.55%	43.7%	26.3x	3.3x
S&P 500	Mỹ	7,501	-	9.6%	27.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,565	-	7.3%	24.8x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,385 ▬	0.21%	4.6%	16.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,290 ▼	-0.05%	8.6%	18.0x	2.5x
DXY		100.9 ▬	0.04%	2.6%		
USDVND		26,318 ▼	-0.053%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

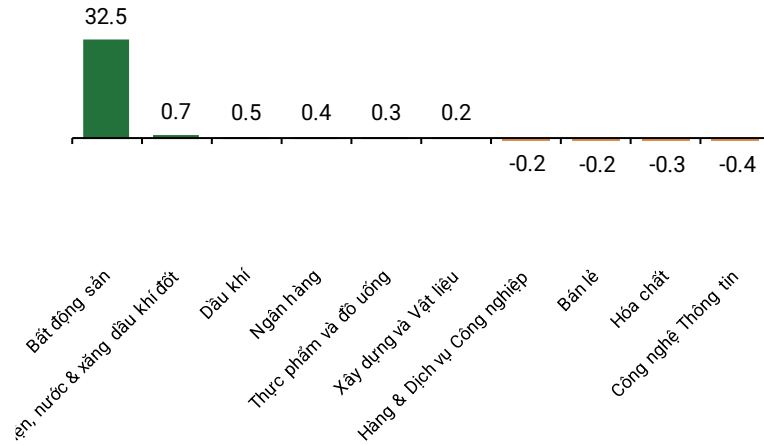
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.43%	-23.3%	30.5%	3.1%
Dầu WTI	▬	0.52%	-20.3%	34.1%	2.8%
Khí gas	▲	2.8%	14.3%	-9.8%	-13.6%
Than cốc (*)	▲	2.9%	16.2%	24.3%	50.4%
Thép HRC (*)	▼	-0.4%	-1.8%	2.5%	4.6%
PVC (*)	▼	-1.0%	-5.2%	-0.2%	-7.4%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-39.6%	8.6%	10.3%
Cao su thiên nhiên	▬	0.4%	2.4%	26.3%	40.9%
Bông Cotton	▼	-0.4%	-2.1%	17.9%	18.3%
Đường	▼	-0.2%	-7.8%	-9.7%	-15.8%
World Container Index	▬	0.0%	46.4%	79.4%	21.0%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.4%	-4.3%	58.6%	98.5%
Vàng	▲	1.21%	-6.7%	-2.6%	24.9%
Bạc	▲	2.32%	-12.1%	-7.3%	84.4%

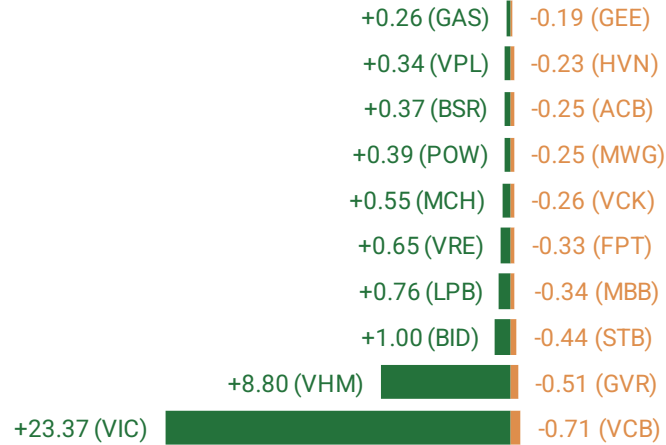
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

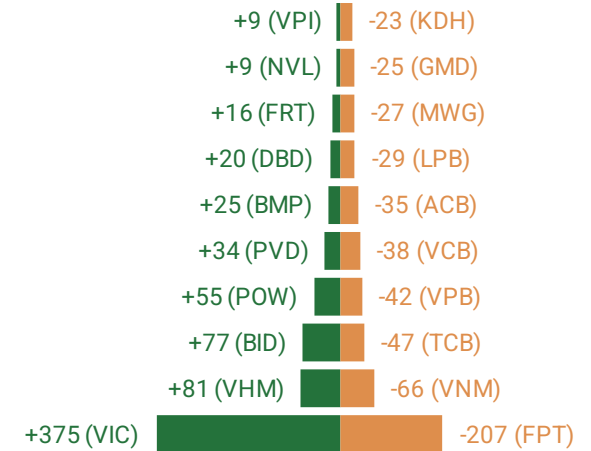
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



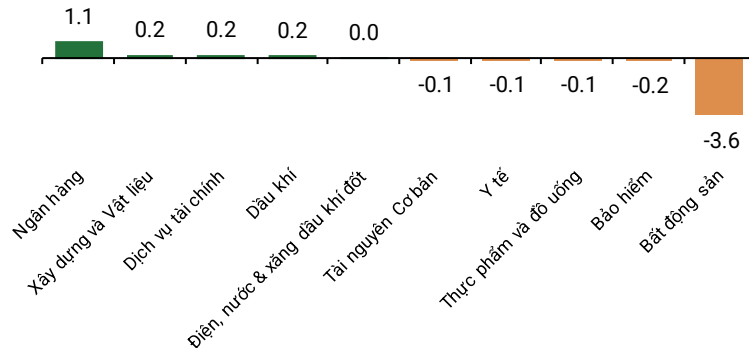
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



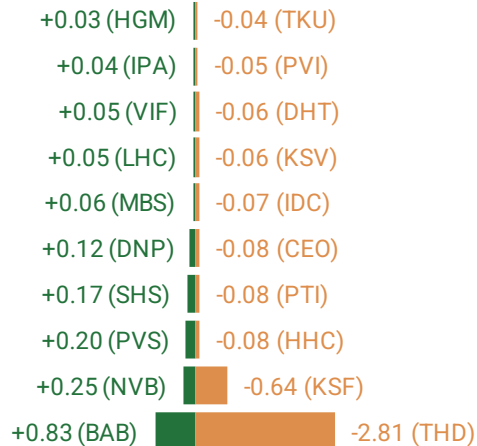
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



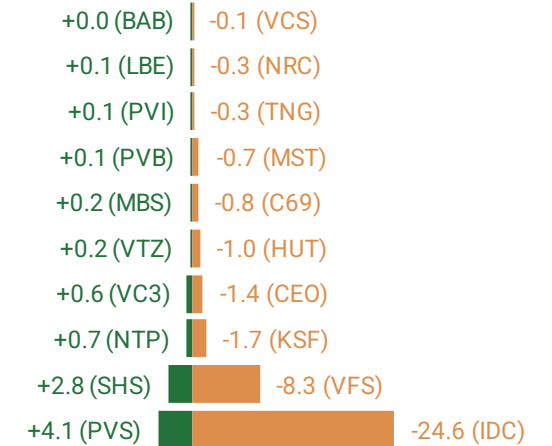
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



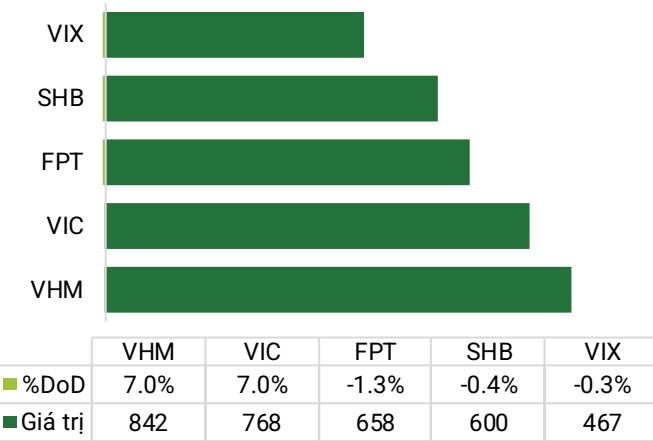
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



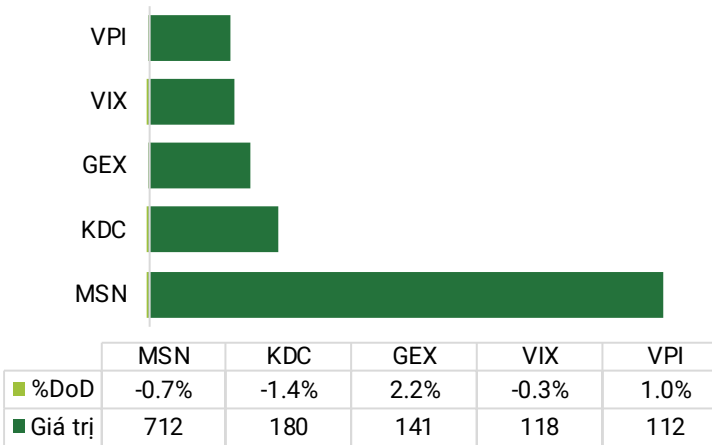
### TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



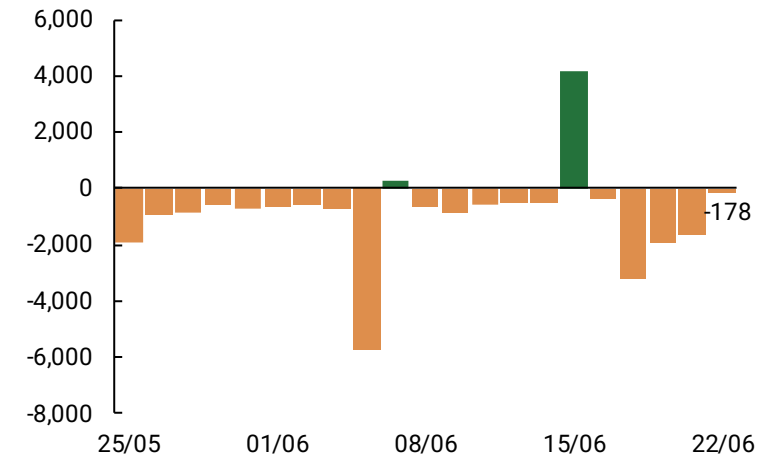
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



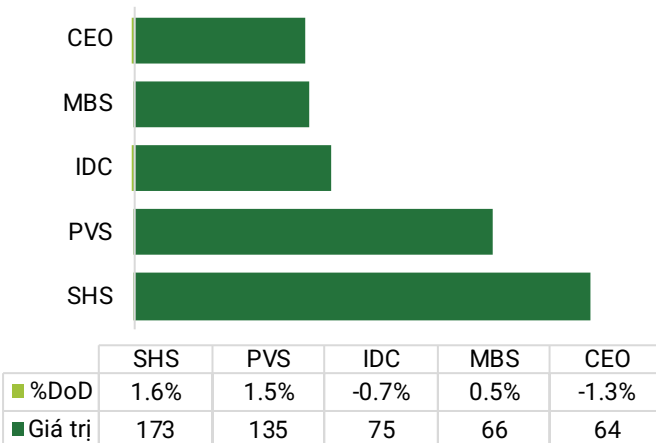
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



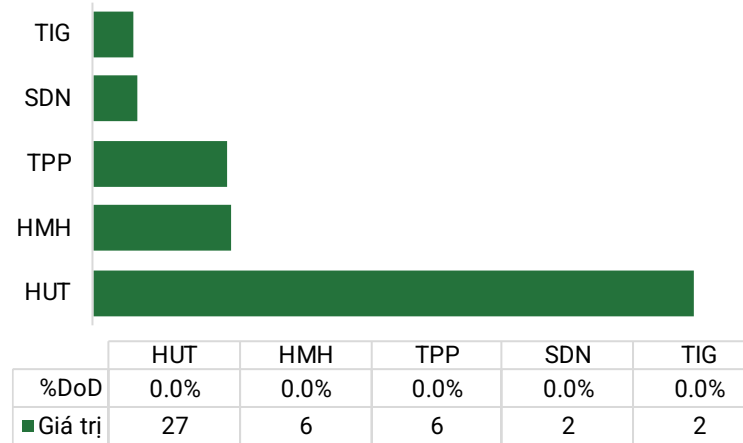
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến tăng Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

**Kịch bản:** VN-Index bật tăng trên kháng cự 1850 điểm nhưng thanh khoản thấp chưa xác nhận cho động lực. Vận động có thể trở lại giằng co quanh khu vực này để kiểm định thêm xu hướng. Nếu lực cầu duy trì tốt, mục tiêu kháng cự cao hơn là khu vực 1880 – 1900 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật giữ đà cải thiện, ủng hộ cho nhịp hồi. Hỗ trợ gần hiện được nâng lên quanh ngưỡng 1800 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1940.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2050.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

**Kịch bản:** VN30 đã vượt và củng cố được trên ngưỡng 1960 điểm. Đồng thời, các chỉ báo động lượng giữ đà cải thiện, ủng hộ cho nhịp hồi phục. Mục tiêu hướng tới kiểm định khu vực tâm lý 2000 điểm. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh ngưỡng 1945 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	<b>NAB</b>	<b>BUY</b>	Current price		<b>12.75</b>	P/E (x)	4.8
Exchange	HOSE		Action price	22/06	<b>12.2 - 12.4</b>	P/B (x)	0.9
Sector	Banks		Target price		<b>13.6</b>	EPS	2632.8
			Cut loss		<b>11.6</b>	ROE	19.7%
						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Medium



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

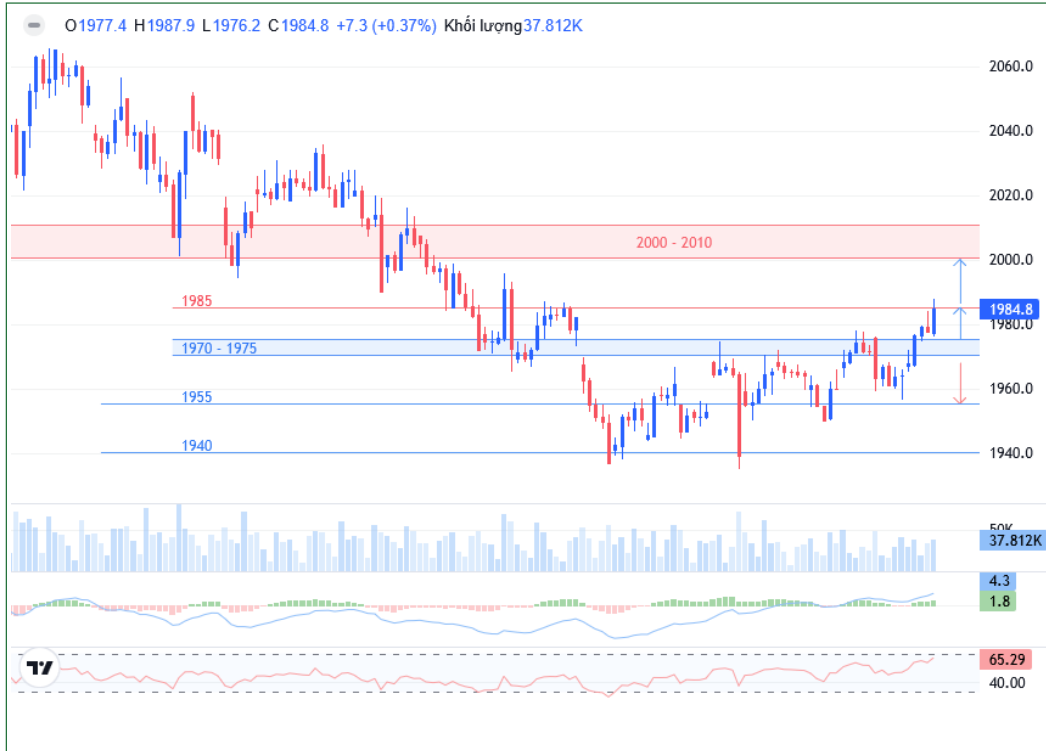
- Giá kiểm định tốt MA10 ngày với mẫu hình nến tăng Marubozu.
  - MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI duy trì trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
  - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - Vùng nền giá quanh 12 giữ vai trò hỗ trợ mạnh.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và khả năng tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NAB	Mua	22/06/2022	12.8	12.2 - 12.4	-	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	Cập nhật trên Elite Picks

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	24.8	25.9 - 26.1	-4.6%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	SAB	Mua	22/05/2026	-	48.2	47.8 - 48.2	0.4%	53	10.4%	45.5	-5.2%	
3	VCB	Mua	28/05/2026	-	61.3	63 - 63.5	-3.1%	70	10.7%	60	-5.1%	
4	VLB	Mua	11/06/2026	-	48.3	47.2 - 48	1.5%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
5	DHC	Mua	11/06/2026	-	33.3	32.2 - 32.5	2.8%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
6	SHS	Mua	15/06/2026	-	19.1	18.7 - 18.9	1.6%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
7	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.3	16.1 - 16.4	0.0%	18	10.8%	15.5	-4.6%	
8	DRI	Mua	18/06/2026	-	14.4	14.2 - 14.5	0.1%	15.8	10.1%	13.6	-5.2%	
9	POW	Mua	19/06/2026	-	14.5	13.8 - 13.9	4.7%	15.4	11.2%	13.2	-4.7%	



### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1984.8, tăng 20.8 điểm (+1.1%). Giá khởi sắc đầu phiên và giao dịch phần khởi trong phần lớn thời gian.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cải thiện lên trên mức trung bình, ủng hộ cho quán tính đi lên. Giá cũng vừa bứt phá cản 1980 nên khả năng cần hạ nhiệt kiểm định thêm xu hướng. Vị thế Long có thể chờ khi giá điều chỉnh kiểm định tốt hỗ trợ 1978 – 1980, hoặc có thể cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1986. Vị thế Short có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 1968.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1915.7, tăng 17.2 điểm (+0.9%). Độ lệch basis 0.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 49 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1900 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1925 điểm.

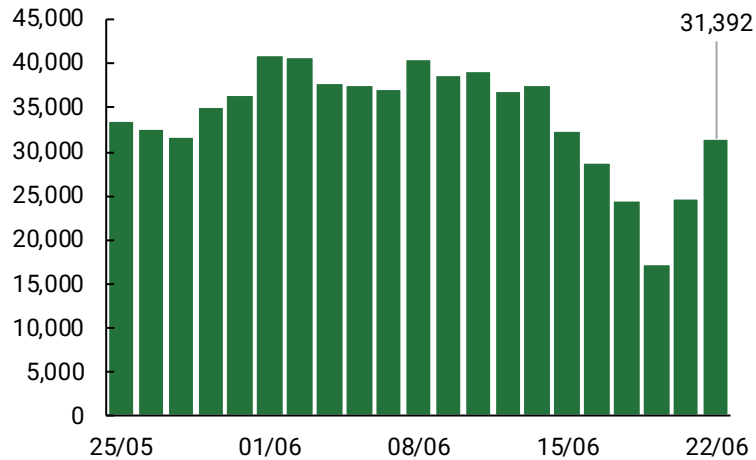
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1978	1992	1970	14 : 8
Long	> 1986	2000	1979	14 : 7
Short	< 1968	1954	1975	14 : 7

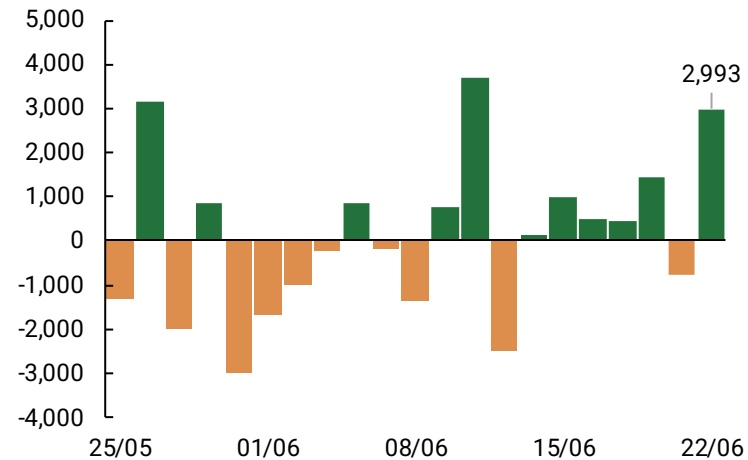
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,989.5	23.5	25	258	1,994.8	-5.3	17/12/2026	178
4111G9000	1,985.5	18.5	49	589	1,987.3	-1.8	17/09/2026	87
4111G8000	1,983.0	17.9	136	89	1,985.0	-2.0	20/08/2026	59
4111G7000	1,984.8	20.8	163,306	31,392	1,982.1	2.7	16/07/2026	24
4112G7000	1,915.7	17.2	49	29	1,917.2	-1.5	16/07/2026	24

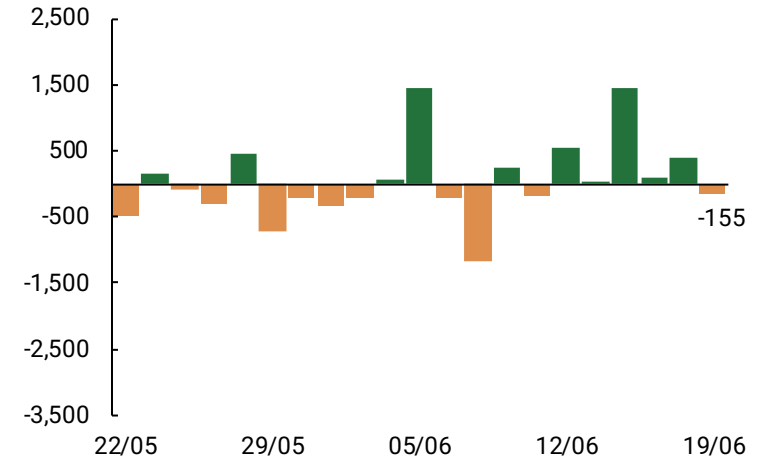
Khối lượng mở (Open interest)



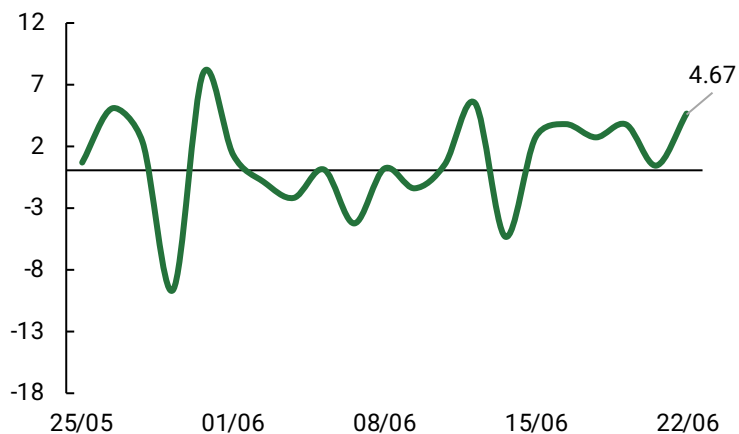
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



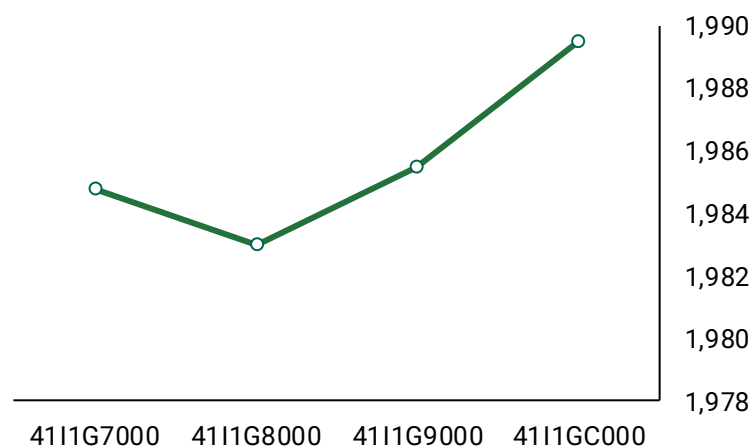
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



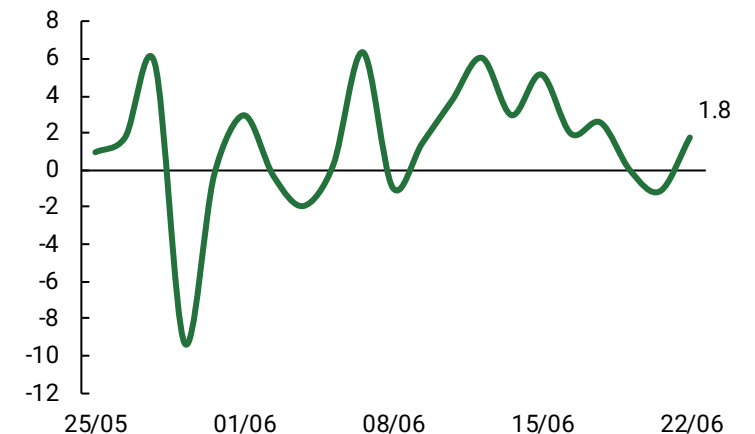
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI  
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ  
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh  
Mỹ - FED công bố lãi suất  
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Việt Nam tăng tốc giải ngân hơn 1 triệu tỷ đồng vốn đầu tư công:** Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đạt hơn 1,013 triệu tỷ đồng, mức cao nhất từ trước tới nay và tăng 22.7% so với năm trước. Đến ngày 4/6, cả nước mới giải ngân khoảng 227,197 tỷ đồng, tương đương 22.4% kế hoạch, đồng nghĩa gần 800,000 tỷ đồng cần được đưa vào nền kinh tế trong bảy tháng còn lại. Việc đẩy nhanh tiến độ được kỳ vọng hỗ trợ tăng trưởng, xây dựng hạ tầng và nhu cầu vật liệu trong nửa cuối năm.

**Doanh số bán lẻ Trung Quốc lần đầu giảm sau hơn 3 năm:** Doanh số bán lẻ tháng 5 của Trung Quốc giảm 0.6% so với tháng trước, đảo chiều từ mức tăng 0.2% trong tháng 4 và đánh dấu lần suy giảm đầu tiên kể từ cuối năm 2022. Cùng lúc, đầu tư tài sản cố định trong năm tháng đầu năm giảm 4.1%, còn đầu tư bất động sản giảm 16.2% so với cùng kỳ. Diễn biến cho thấy nhu cầu nội địa tiếp tục là điểm yếu và có thể khiến Bắc Kinh tăng cường các biện pháp hỗ trợ kinh tế.

**Đàm phán Mỹ-Iran có tiến triển, nhưng căng thẳng tiếp tục đẩy giá dầu tăng:** Mỹ và Iran đã nhất trí xây dựng lộ trình hướng tới thỏa thuận cuối cùng trong vòng 60 ngày, với các nội dung về xuất khẩu dầu, tài sản bị phong tỏa và an toàn hàng hải tại eo biển Hormuz. Tuy nhiên, các phát biểu cứng rắn từ hai phía và việc Iran tái đóng Hormuz khiến thị trường nghi ngờ về độ bền của tiến trình hòa bình. Giá dầu Brent tăng lên 81.56 USD/thùng, trong khi WTI tăng hơn 3% lên 78.93 USD/thùng vào cuối tuần rồi.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**VHM - Liên danh Vinhomes - VinSpeed được chọn làm tổng thầu 5 tuyến metro Hà Nội:** Liên danh Vinhomes và VinSpeed được lựa chọn làm tổng thầu EPC cho 5 tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, với tổng chiều dài khoảng 303.5 km và tổng mức đầu tư sơ bộ hơn 1.3 triệu tỷ đồng. Các tuyến dự kiến hoàn thành vào năm 2030, gồm những trục kết nối trung tâm thành phố với các khu vực phía Tây, phía Bắc và sân bay Gia Bình. Trước đó, hệ sinh thái Vingroup đã chuẩn bị nguồn lực cho lĩnh vực đường sắt thông qua việc thành lập VinSpeed và xây dựng đội ngũ kỹ thuật, tài chính phục vụ các dự án hạ tầng quy mô lớn.

**DIG - Phải hoàn trả tiền trái phiếu do sử dụng vốn sai mục đích:** DIC Corp bị phạt 175 triệu đồng do sử dụng 520.5 tỷ đồng trong tổng số 600 tỷ đồng huy động từ lô trái phiếu DIGH2326001 không phù hợp với phương án phát hành được Hội đồng quản trị phê duyệt và công bố thông tin là để thực hiện Dự án Khu đô thị du lịch Long Tân. Cơ quan quản lý đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thu hồi trái phiếu và hoàn trả tiền mua cùng phần lãi phát sinh cho các trái chủ có yêu cầu.

**MSR - Có thêm dự địa kéo dài vòng đời mỏ Núi Pháo 20–30 năm:** Công ty con của Masan High-Tech Materials được lựa chọn là đơn vị đủ điều kiện xem xét cấp phép thăm dò tại khu vực Núi Chiếm, liền kề mỏ Núi Pháo hiện hữu. Hai khu vực Núi Pháo Mở Rộng và Núi Chiếm được ước tính có tiềm năng khoảng 115 triệu tấn tài nguyên vonfram đa kim. Nếu được cấp phép và kết quả thăm dò đáp ứng kỳ vọng, nguồn tài nguyên bổ sung có thể giúp MSR duy trì hoạt động khai thác và chế biến trong khoảng 20–30 năm tiếp theo.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	53,500	73,400	37.2%	Mua
CTG	33,850	45,200	33.5%	Mua
CTD	72,500	82,900	14.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,500	68,000	34.7%	Mua
DDV	26,046	35,900	37.8%	Mua
DGW	40,600	47,500	17.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	39,500	42,300	7.1%	Nắm giữ
DPR	39,950	46,500	16.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,362	17,200	19.8%	Tăng tỷ trọng
EVF	13,600	14,400	5.9%	Nắm giữ
FRT	130,500	157,600	20.8%	Mua
GMD	75,600	92,700	22.6%	Mua
HAH	53,500	60,300	12.7%	Tăng tỷ trọng
HDG	21,550	30,900	43.4%	Mua
HHV	11,400	12,300	7.9%	Nắm giữ
HPG	23,600	30,700	30.1%	Mua
IMP	44,200	55,000	24.4%	Mua
KDH	22,500	38,800	72.4%	Mua
MCH	128,500	177,200	37.9%	Mua
MWG	77,200	115,600	49.7%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,800	34,000	37.1%	Mua
NLG	26,600	39,400	48.1%	Mua
NT2	23,150	27,700	19.7%	Tăng tỷ trọng
PHR	64,200	72,800	13.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	66,000	75,500	14.4%	Tăng tỷ trọng
PVS	39,600	39,900	0.8%	Nắm giữ
PVT	20,500	18,900	-7.8%	Giảm tỷ trọng
POW	14,500	15,000	3.4%	Nắm giữ
SAB	48,200	57,900	20.1%	Mua
SSI	27,200	32,100	18.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,100	50,900	3.7%	Nắm giữ
TCB	30,900	41,700	35.0%	Mua
TCM	20,250	35,300	74.3%	Mua
TRC	75,700	94,800	25.2%	Mua
VCB	61,300	84,200	37.4%	Mua
VPB	26,000	36,500	40.4%	Mua
VCG	19,850	26,200	32.0%	Mua
VHC	58,500	60,000	2.6%	Nắm giữ
VNM	58,600	66,650	13.7%	Tăng tỷ trọng

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801